



BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ ĐÀ BẮC

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Tỉnh lộ 433	Đất vườn của ông Trần Thành Chung (cũ) ngang sang nhà bà Nguyễn Thị Bàng, xóm Trúc Sơn	Nhà ông Chín Hương, tiểu khu Thạch Lý ngang sang Hạt giao thông	8.250	3.700	2.650	3.100	1.410	1.000	2.710	1.610	990
2		Ngã ba Trung tâm y tế ngang sang nhà ông Bảy Hoan, tiểu khu Thạch Lý	Nhà ông Hiền Hậu tiểu khu Liên Phương ngang sang BCH quân sự huyện Đà Bắc (cũ)	12.000	5.250	4.000	4.500	1.990	1.530	3.940	1.910	1.330
3		Nhà ông Mai Nhâm tiểu khu Liên Phương ngang sang BCH quân sự huyện Đà Bắc (cũ)	Hết khuôn viên xưởng vật liệu Thăng Lý ngang sang ngã ba rẽ vào hồ Mu Công	12.000	5.250	4.000	4.500	1.990	1.530	3.940	1.910	1.330
4		Giáp xưởng vật liệu Thăng Lý ngang sang ngã ba rẽ vào hồ Ngu Công	Ngã ba đường rẽ đi mỏ đá Tây Mãng	4.700	2.350	1.580	1.770	890	610	1.560	790	530
5		Nhà ông Nguyễn Văn Dĩ ngang sang đất ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hết địa giới hành chính xã Đà Bắc (giáp xã Cao Sơn)	3.500	1.890	1.540	2.340	1.290	1.060	2.050	1.110	910
6		Hai bên đường tỉnh 433 từ giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Bàng	Giáp phường Tân Hoà	3.500	1.890	1.540	2.340	1.290	1.060	2.050	1.110	910
7	Đường OxPam	Ngã ba Trung tâm y tế xã	Ngã ba nhà ông Phí Hoàng Nam, tiểu khu Đoàn Kết (đối diện cổng Sân vận động mini xã)	7.250	3.250	2.330	2.720	1.240	890	2.380	1.080	780
8		Nhà ông Đặng Xuân Hải, tiểu khu Đoàn Kết	Ngã ba rẽ sân bóng Mỏ La ngang sang nhà ông Ngô Thuỷ Châm, tiểu khu Mỏ La	5.250	2.630	1.770	1.980	990	670	1.740	880	590
9		Nhà Phùng Thanh Muồng (cũ) ngang sang nhà ông Đinh Văn Ngôn	Hết khuôn viên nhà ông Phùng Quý Tận	3.500	1.890	1.540	2.340	1.290	1.060	2.050	1.110	910

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
10	Đường OxPam	Cầu Tình (trục đường OxPam) đi qua các xóm Tràng, xóm Mè, xóm Mít, xóm Hào Tân	Ngã 3 Tân Lý	1.700	920	750	1.140	630	520	990	540	450
11		Ngầm Riêng đến ngã ba xóm Tình đi theo trục đường nhựa hướng đi nhà máy giấy Thuận Phát qua các xóm Riêng, xóm Tình, xóm Tràng, xóm Tân Lý, xóm Quyết Chiến, xóm Hào Phú	Ngã tư nhà bà Nguyễn Thị Khuyên xóm Hào Phú	1.700	920	750	1.140	630	520	990	540	450
12		Ngã 3 nhà Phụng Hằng xóm Hào Tân qua nhà văn hoá xóm Hào Tân	Ngã ba nhà ông Nguyễn Thanh Huyền, xóm Hào Tân	1.700	920	750	1.140	630	520	990	540	450
13		Nhà ông Đình Công Huân, xóm Quyết Chiến đi qua Trường tiểu học Hào Lý cũ	Ngã tư nhà bà Nguyễn Thị Khuyên xóm Hào Phú	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
14		Ngã ba trường tiểu học Hào Lý đi qua Trạm y tế Hào Lý	Ngã ba nhà ông Đình Công Mân, xóm Hào Phú	730	720	600	450	260	210	400	220	180
15		Ngã ba nhà ông Nguyễn Thanh Huyền, xóm Hào Tân hướng đi xóm Hào Phú	Ngã ba nhà bà Quách Thị Khen	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
16	Các trục đường liên xã	Đất hai bên đường liên xã (đường nhựa) thuộc địa phận xóm Doi và Đường xuống bến thuyền xóm Doi, xã Hiền Lương cũ		1.700	920	750	1.140	630	520	990	540	450
17		Nhà ông Đình Hồng Mơ, xóm Ké	Hết khuôn viên thửa đất của Homestay Hữu Thảo, xóm Ké	1.700	920	750	1.140	630	520	990	540	450
18		Ngã ba nhà bà Hoa Sơn, xóm Trúc Sơn	Khu bãi gỗ (cũ) xóm Tân Sơn	1.050	570	470	710	390	320	620	340	280
19		Điểm đầu nhà ông Triệu Văn Nông, xóm Mái	Hết khuôn viên thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Minh, xóm Mái	1.700	920	750	1.140	630	520	990	540	450

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
20	Các trục đường chính	Ngã ba Mu Công hướng đi xóm Doi	Địa phận thị trấn Đà Bắc (cũ)	4.250	2.130	1.430	1.600	810	540	1.410	710	470
21		Ngã ba trụ sở dự án 747 (cũ)	Giáp xóm Riêng	4.250	2.130	1.430	1.600	810	540	1.410	710	470
22		Ngã tư chợ Xếp đi sân vận động	Đường Tỉnh lộ 433	2.700	1.490	1.080	1.220	680	490	980	540	400
23		Nhà ông Thắng Hà	Ngã ba nhà ông Tuấn tiểu khu Đoàn Kết	2.700	1.490	1.080	1.220	680	490	980	540	400
24		Ngã ba sân vận động trung tâm xã	Ngã tư sau Trung tâm văn hóa xã Đà Bắc	1.700	920	750	1.140	630	520	990	540	450
25		Ngã ba nhà ông Hiền Thủy, tiểu khu Đoàn Kết hướng đi Tài Choòng	Ngã ba nhà ông Khuất Duy Bộ (Tuyên), tiểu khu Đoàn Kết	3.500	1.890	1.540	2.340	1.290	1.060	2.050	1.110	910
26		Ngã 3 nhà ông Đình Quốc Bản, tiểu khu Bờ nổi từ đường 433 đi Tài Choòng	Hết khuôn viên đất nhà ông Đình Văn Thoại, tiểu khu Mố La	2.700	1.490	1.080	1.220	680	490	980	540	400
27		Ngã tư chợ Xếp đi qua trường tiểu học Kim Đồng	Đường tỉnh 433	2.700	1.490	1.080	1.220	680	490	980	540	400
28		Ngã ba nhà bà Thủy Sự	Nhà bà Khanh Toàn (cũ)	2.700	1.490	1.080	1.220	680	490	980	540	400
29		Ngã ba nhà Hôn Tinh đi qua Trường mầm non Trúc Sơn	Ngã ba nối với đường Trúc Sơn đi xóm Phủ	720	620	530	490	430	360	430	360	320
30		Ngã ba đường đi vào UBND xã Toàn Sơn cũ qua lối rẽ nhà ông Bàn Văn Sơn	Nhà ông Đình Văn Tiễn	720	620	530	490	430	360	430	360	320
31		Ngã 3 nhà bà Cúc Chiêu (cũ)	Mỏ đá Trúc Sơn	1.700	920	750	1.140	630	520	990	540	450
32		Hai bên đường xóm Phủ	Địa phận xóm Rãnh	720	620	530	490	430	360	430	360	320
33		Hai bên đường trục chính từ xóm Rãnh	Giáp phường Tân Hoà	720	620	530	490	430	360	430	360	320
34		Ngã 3 nghĩa địa xã Đà Bắc	Nhà ông Bùi Văn Xông, xóm Tân Sơn	720	620	530	490	430	360	430	360	320

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
35	Các trục đường liên thôn	Ngã ba đường đi mỏ đá Tây Mãng	Ngã ba trường Tiểu học và trung học cơ sở Lê Lợi	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
36		Ngã ba nghĩa địa TK Tây Mãng đi khu tái định cư Bura Trùng	Hết khuôn viên đất nhà ông Xa Đức Chí	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
37		Ngã ba nhà ông Phí Đình Thọ	Ngã 3 nối với đường tỉnh 433	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
38		Ngã ba nhà ông Bùi Văn Chiến (cũ) đi tiểu khu Kim Lý	Ngã 3 nối với đường tỉnh 433	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
39		Ngã ba trường mầm non Kim Lý	Nhà ông Tô Xuân Dũng, tiểu khu Kim Lý	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
40		Nhà ông Đinh Công Nhiên, tiểu khu Hương Lý	Nhà ông Nguyễn Tuấn Châu (Kín), tiểu khu Hương Lý (nối đường 433)	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
41		Nga ba nhà ông Đinh Xuân Hồng, xóm Mè hướng đi đập Toong	Nối với đường thị trấn Đà Bắc đi Thanh Sơn, Phú Thọ	680	580	500	450	400	350	400	350	300
42		Ngã ba Kim Lý (nhà bà Đào Thị Nhân)	Ngã ba gần ông Hà Văn Nhẽ xóm Riêng	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
43		Ngã ba nhà ông Phùng Văn Ngôn qua sân vận động Mỏ La đi Tài Choòng	Ngã ba Tài Choòng	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
44		Ngã ba nhà ông Tú Liêm	Ngã ba nhà ông Như Côi (giao với đường tỉnh 433)	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
45		Ngã ba nhà ông Sơn Sáu (cũ) tiểu khu Kim Lý	Ngã ba nhà ông Hà Văn Nhẽ xóm Riêng	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
46		Ngã ba nhà Thủy Cường tiểu khu Thạch Lý	Nhà Thu Đường tiểu khu Thạch Lý	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
47		Ngã ba nhà ông Lê Văn Đồng hướng đi xóm Dưng	Nhà ông Lê Duy Tâm	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
48		Ngã tư sau Trung tâm văn hoá xã	Ngã tư nhà Quyết Hậu tiểu khu Mu	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
49		Ngã tư nhà ông Đinh Văn Hải, tiểu khu Mỏ La	Ngã 3 đi nghĩa địa tiểu khu Mu	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180
50		Ngã 4 nhà bà Phùng Thị Thuỳ, tiểu khu Mỏ La đi qua xưởng may	Ngã 3 đối diện nhà ông Phùng Quý Tận, tiểu khu Mỏ La	1.350	800	470	600	310	180	530	300	180

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
51	Các trục đường liên thôn	Ngã ba nghĩa địa xóm Hào Tân đi xóm Suối Thương (trục đường chính)	Giáp xã Yên Sơn	720	620	530	490	430	360	430	360	320
52		Ngã ba xóm Hào Tân (chỗ cổng chào) nhà ông Nguyễn Phi Hùng	Hết khu tái định cư xóm Kẽ	680	580	500	450	400	350	400	350	300
53		Ngã 3 xóm Trảng nhà ông Nguyễn Văn Khang đi qua đường rẽ vào nhà văn hoá xóm Cháu	Ngã ba nhà ông Đinh Văn Quyết	680	580	500	450	400	350	400	350	300
54		Ngã ba UBND xã Tú Lý cũ đi hồ Cháu	Ngã ba nhà ông Chấn, xóm Mạ	680	580	500	450	400	350	400	350	300
55		Ngã ba nhà ông Chấn, xóm Mạ	Ngã ba nhà ông Triệu Sinh Nghiệp, xóm Mạ	680	580	500	450	400	350	400	350	300
56		Ngã ba từ trường THCS Tú Lý qua ngã ba sân vận động Tú Lý qua ngã ba nhà ông Triệu Sinh Nghiệp	Hết khuôn viên đất nhà ông Dương Trung Hoà (Nhưng) xóm Mạ	680	580	500	450	400	350	400	350	300
57		Ngã ba Tài Choòng qua ngã ba rẽ lên nhà ông Triệu Tiến Minh, xóm Mạ		680	580	500	450	400	350	400	350	300
58		Ngã ba cạnh thửa đất nhà ông Mai Hải, xóm Trảng (đối diện sân vận động Tú Lý)	Ngã ba cổng chào xóm Tình (gần cầu Tình)	680	580	500	450	400	350	400	350	300
59		Ngã ba nhà ông Đinh Văn Tình, xóm Tình đi hồ Cót	Ngã ba mặt đập hồ Cót	680	580	500	450	400	350	400	350	300
60		Ngã ba xóm Riêng đi qua ngã ba nhà ông Xa Kỳ Thanh (hồ Riêng)	Đường đi Chòm Lũng đến nhà ông Nguyễn Văn Thuận.	680	580	500	450	400	350	400	350	300
61		Ngã ba mặt đập hồ Cót hướng đi xóm Riêng đi qua ngã ba nhà ông Hà Văn Thục (xóm Riêng), qua ngã ba nhà ông Hà Vă Quy	Ngã ba nhà ông Đinh Văn Tuấn (Thom), xóm Riêng	680	580	500	450	400	350	400	350	300

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
62	Các trục đường liên thôn	Ngã ba nhà ông Đình Văn Tuấn (Thơm), xóm Riêng qua ngã ba giáp đất bà Xa Thị Phụng (hồ xóm Riêng)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Vươn, xóm Riêng (nối với trục chính đường thị trấn đi Thanh Sơn)	680	580	500	450	400	350	400	350	300
63		Ngã ba giáp đất bà Xa Thị Phụng (hồ xóm Riêng)	Ngã 3 nhà ông Xa Kỳ Thanh (hồ Riêng)	680	580	500	450	400	350	400	350	300
64		Giáp nhà ông Triệu Văn Nông, xóm Mái	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Mạnh, xóm Ngù	870	830	760	610	570	530	530	490	450
65		Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Mạnh, xóm Ngù	Hết khuôn viên đất nhà ông Đặng Văn Thân, xóm Ngù	720	620	530	490	430	360	430	360	320
66		Nhà ông Bùi Đức Hoàng, xóm Mơ	Bến thuyền xóm Mơ	1.250	1.190	1.080	880	810	760	760	700	640
67		Ngã ba nhà ông Phạm Trung Kiên, xóm Mơ	Homestay Xoan Retreat	1.250	1.190	1.080	880	810	760	760	700	640
68		Nhà ông Xa Hồng Thân	Hết khuôn viên đất nhà ông Ngọc Quang Lục	1.250	1.190	1.080	880	810	760	760	700	640
69		Ngã ba nhà ông Xa Văn Chủ hướng đi Bura Rông	Hết đất nhà ông Nguyễn Bình Giang	450	430	390	320	300	270	270	260	240
70		Ngã ba nhà ông Xa Văn Chủ hướng đi thị trấn (cũ)	Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Quyển và qua ngã ba nhà ông Xa Trọng Tấn đến hết khuôn viên đất nhà bà Xa Thị Nhu	450	430	390	320	300	270	270	260	240
71	Khu dân cư, tái định cư	Khu dân cư thôn Mu cũ phía sau dãy khu nhà giáp đường tỉnh lộ 433		4.250	2.130	1.430	1.600	1.600	810	1.410	710	470
72		Khu dân cư thôn Mu mới giai đoạn 1		4.250	2.130	1.430	1.600	1.600	810	1.410	710	470
73		Khu tái định cư xóm Châu		300			240			200		
74		Khu tái định cư Bura Rông, xóm Dung		300	230	210	240	170	160	200	150	140

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
75	Khu dân cư, tái định cư	Khu tái định cư Bura Trùng, xóm Ké		300	230	210	240	170	160	200	150	140
76		Khu tái định cư Bura Cốp, xóm Dung		300			240			200		
77	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			300			240			200		